TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08-7-2019
V/v tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trà Thanh Tùng
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Hoàng Thị Hoài Phong
Ông Nguyễn Văn Kiểm.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Võ Đại Minh-Thư ký Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thy-Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cao Thị S, sinh năm 1986, vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Đội 1, thôn 1, xã ND, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Ông Trần K, sinh năm 1984, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 4, xã ND, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18-4-2019, bản tự khai ngày 26-4-2019, ngày 12-6-2019 nguyên đơn bà Cao Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần K tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại UBND xã ND, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 21-12-2007. Sau khi đăng ký kết hôn cho đến năm 2010 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông K không lo làm, suốt ngày uống rượu, bia về còn đánh đập vợ con nhiều lần. Vợ chồng không sống chung 01 năm nhưng vì con nên bà sống chung lại. Sau thời gian có thêm 01 cháu gái, khi cháu được 06 tháng tuổi thì ông K tính nào tật nấy và vợ chồng tiếp tục không sống chung từ năm 2013 đến nay. Nay bà không còn tình cảm với ông K nữa, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần K.

Về con chung: Bà và ông Trần K có 02 con chung là Trần Anh D, sinh ngày 20-01-2009 và Trần Thị Kim A, sinh ngày 20-01-2013. Khi ly hôn bà yêu cầu giao cháu A cho bà chăm sóc, nuôi dưỡng, còn cháu D giao cho ông K chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại Bản tự khai ngày 26-6-2019 bị đơn ông Trần K trình bày: Ông muốn hòa giải đoàn tụ vợ chồng vì 02 con còn nhỏ. Ông không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 97, Điều 196, Điều 203, Điều 208, Điều 211, Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị S. Bà Cao Thị S ly hôn ông Trần K. Về con chung: Bà Cao Thị S và ông Trần K có 02 con chung là Trần Anh D, sinh ngày 20-01-2009 và Trần Thị Kim A, sinh ngày 20-01-2013. Khi ly hôn giao cháu A cho bà S chăm sóc, nuôi dưỡng, còn cháu D giao cho ông K chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà S phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Cao Thị S vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, nguyên đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị S và ông Trần K tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại UBND xã ND, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 21-12-2007 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn ông K không lo làm, suốt ngày uống rượu, bia về còn đánh đập vợ con nhiều lần, bà S và ông K không sống chung từ năm 2013 đến nay. Từ đó bà S yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần K. Xét thấy lý do xin ly hôn của bà S chính đáng, tình trạng hôn nhân giữa bà S và ông K đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Cao Thị S, bà Cao Thị S được ly hôn với ông Trần K.

[3] Về con chung: Bà S và ông K có 02 con chung là Trần Anh D, sinh ngày 20-01-2009 hiện đang ở với ông K và Trần Thị Kim A, sinh ngày 20-01-

2013 hiện đang ở với bà S, hiện nay cháu D, cháu A sức khỏe vẫn tốt. Bà S làm nghề buôn bán thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện để nuôi cháu A, còn ông K làm thợ xây thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện để nuôi cháu D. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của các con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà S, giao cháu A cho bà S chăm sóc, nuôi dưỡng, còn cháu D giao cho ông K chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con, là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà S phải chịu 300.000 đồng.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Với những nhận định trên phù hợp với ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị S.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị Sg ly hôn với ông Trần K.

2/ Về con chung: Bà Cao Thị S và ông Trần K có 02 con chung là Trần Anh D, sinh ngày 20-01-2009 hiện đang ở với ông K và Trần Thị Kim A, sinh ngày 20-01-2013 hiện đang ở với bà S. Giao cháu Trần Anh D cho ông Trần K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, còn cháu Trần Thị Kim A giao cho bà Cao Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Cao Thị S phải chịu 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà S đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0001175 ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

6/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Cao Thị S, bị đơn ông Trần K vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tp Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS tp Quảng Ngãi;
- UBND xã ND, TP. QN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Trà Thanh Tùng